

TỈNH ỦY TUYÊN QUANG
BAN TUYÊN GIÁO

*

Số 1254-CV/BTGTU
*Về định hướng một số nội dung
tuyên truyền tháng 11/2022*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 10 năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh,
- Thường trực các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Ban Tuyên giáo huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí báo cáo viên cấp tỉnh.

Thực hiện Chương trình công tác năm 2022, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy biên tập tài liệu định hướng một số nội dung tuyên truyền tháng 11/2022, gồm **05** nội dung:

1. Hướng dẫn một số nội dung về công tác phòng, chống tiêu cực.
2. Công tác truyền thông về quyền con người ở Việt Nam.
3. Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025.
4. Một số đánh giá của dư luận quốc tế về triển vọng kinh tế Việt Nam nửa cuối năm 2022.
5. Tuyên truyền về một số chính sách Bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2022-2023.

Nhận được tài liệu này, đề nghị các đơn vị kịp thời triển khai tuyên truyền đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Thông qua sinh hoạt chi bộ, đoàn thể, hội nghị báo cáo viên, hệ thống loa truyền thanh, mạng xã hội và các phương tiện thông tin tuyên truyền của địa phương, đơn vị tổ chức tuyên truyền bảo đảm hiệu quả, thiết thực, phù hợp với đối tượng; căn cứ tình hình thực tiễn có thể bổ sung nội dung tuyên truyền của địa phương, ngành, cơ quan đơn vị bảo đảm đúng quy định.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Công TTĐT Đảng bộ tỉnh,
- Lãnh đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy,
- Các phòng thuộc Ban,
- Lưu Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



La Hồng Hải

ĐỀ CƯƠNG TÀI LIỆU
ĐỊNH HƯỚNG MỘT SỐ NỘI DUNG TUYÊN TRUYỀN THÁNG 11 NĂM 2022
(Kèm theo Công văn số 1254-CV/BTGTU ngày 25/10/2022 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy)

1. Hướng dẫn một số nội dung về công tác phòng, chống tiêu cực

Ngày 01/8/2022, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ban hành Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW một số nội dung về công tác phòng, chống tiêu cực. Theo đó, đối tượng, nội dung chỉ đạo công tác phòng, chống tiêu cực gồm:

- Đối tượng phòng, chống tiêu cực là cơ quan, tổ chức, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong hệ thống chính trị.

- Nội dung chỉ đạo công tác phòng, chống tiêu cực: (1) Ban hành, tham mưu ban hành các chủ trương, chính sách, pháp luật, giải pháp phòng, chống tiêu cực. (2) Chỉ đạo thực hiện đồng bộ công tác đấu tranh phòng, chống tiêu cực gắn với phòng, chống tham nhũng, ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. (3) Chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện thể chế về phòng, chống tiêu cực gắn với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị, quản lý kinh tế - xã hội; làm rõ nguyên nhân, điều kiện phát sinh tiêu cực, những sơ hở, bất cập trong cơ chế, chính sách, pháp luật để kiến nghị, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền ngăn ngừa, khắc phục, hoàn thiện. (4) Chỉ đạo đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tiêu cực. Trong đó, tập trung kiểm tra, giám sát cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ giữ cương vị lãnh đạo, quản lý ở những lĩnh vực, địa bàn, vị trí công tác dễ phát sinh tiêu cực, dư luận xã hội quan tâm. (5) Chỉ đạo nâng cao hiệu quả phát hiện, xử lý tiêu cực thông qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, giải quyết khiếu nại, tố cáo; xử lý nghiêm, đồng bộ giữa kỷ luật của Đảng với kỷ luật của Nhà nước, kỷ luật của đoàn thể và xử lý hình sự đối với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức vi phạm. (6) Chỉ đạo xử lý nghiêm các vụ án, vụ việc tiêu cực, nhất là các vụ án, vụ việc tiêu cực nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm. (7) Chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong phòng, chống tiêu cực; định hướng cung cấp thông tin về phòng, chống tiêu cực; xử lý nghiêm hành vi lợi dụng việc phòng, chống tiêu cực để trục lợi, hãm hại người tốt, xuyên tạc, chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ. (8) Chỉ đạo công tác sơ kết, tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về phòng, chống tiêu cực; nghiên cứu, đánh giá những hành vi tiêu cực mới phát sinh của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức để tham mưu, đề xuất Ban Chỉ đạo Trung ương xem xét, đưa vào diện tập trung chỉ đạo phòng, chống. (9) Chỉ đạo công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong phòng, chống tiêu cực và trong giải quyết những vụ án, vụ việc tiêu cực nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm.

- Hướng dẫn nêu rõ 19 hành vi tiêu cực cần tập trung chỉ đạo phòng, chống, bao gồm:

(1) Nói, viết, thực hiện không đúng hoặc không thực hiện, thực hiện không đầy đủ chủ trương, đường lối, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

(2) Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; đoàn kết xuôi chiều, nể nang, né tránh, ngại va chạm, im lặng, không đấu tranh hoặc phụ họa theo ý kiến, quan điểm sai trái, lệch lạc; bao che, giấu giếm vi phạm, khuyết điểm của bản thân, của người khác hoặc của tổ chức; thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh; độc đoán, chuyên quyền, mất dân chủ, dân chủ hình thức, không tôn trọng ý kiến của tập thể; không chấp hành sự phân công của tổ chức, kén chọn chức danh, vị trí công tác...

(3) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm nêu gương theo quy định của Đảng.

(4) Lợi dụng công việc có liên quan đến bí mật nhà nước, bí mật công tác, công việc thuộc thẩm quyền giải quyết để trục lợi. Cung cấp, để lộ, làm mất hoặc viết bài, đăng những thông tin, tài liệu bí mật của Đảng, Nhà nước hoặc những việc chưa được phép công bố; tàng trữ, phát tán hoặc xúi giục người khác tàng trữ, phát tán thông tin, tài liệu trái với chủ trương, đường lối, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; vu cáo, bịa đặt những nội dung liên quan đến vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực hoặc tùy tiện quy kết về tội danh, mức án trước khi tòa án ra phán quyết; đả kích, vu cáo, xúc phạm đối với tổ chức, cá nhân, kích động bạo lực, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

(5) “Tư duy nhiệm kỳ”, cơ hội, vụ lợi, nhất là hành vi lạm quyền, lạm quyền, lấy danh nghĩa tập thể để áp đặt, hợp thức hóa quyết định sai trái của cá nhân; chủ nghĩa cá nhân, đặt lợi ích của cá nhân lên trên lợi ích của tập thể; chạy theo mục tiêu trước mắt, trong ngắn hạn để thu vén lợi ích cho bản thân, gia đình, cho nhóm lợi ích mà bỏ qua những mục tiêu, lợi ích dài hạn của tập thể, cộng đồng và đất nước; cấu kết với doanh nghiệp, đối tượng khác để trục lợi.

(6) Quan liêu, xa rời thực tế, không sâu sát công việc, không nắm chắc tình hình trong cơ quan, tổ chức, địa phương, đơn vị.

(7) Chủ trì ban hành hoặc tham mưu ban hành văn bản có nội dung trái với chủ trương, đường lối, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc có nhiều sơ hở, bị lợi dụng gây thiệt hại cho nhà nước, tổ chức, cá nhân; “lợi ích nhóm”, “tư duy nhiệm kỳ” trong xây dựng chính sách, pháp luật.

(8) Thiếu trách nhiệm, buông lỏng lãnh đạo, quản lý để xảy ra tình trạng mất đoàn kết, tham nhũng, tiêu cực; không báo cáo, phản ánh, không xử lý các hành vi tham nhũng, tiêu cực trong cơ quan, đơn vị, địa phương do mình trực tiếp quản lý.

(9) Thực hiện không đúng, không đầy đủ quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong quản lý đầu tư, xây dựng, ngân hàng, y tế, bảo hiểm, đấu thầu, đấu giá, chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp, cổ phần hóa, sử dụng nhà, đất, tài nguyên, khoáng sản, tài chính, tài sản của Đảng, Nhà nước,... Không thực hành tiết kiệm để xảy ra thất thoát, lãng phí trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công. Mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công, tài sản của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đóng góp, tài trợ trái quy định.

(10) Tặng quà, nhận quà dưới mọi hình thức để tác động đến tổ chức, người có trách nhiệm dẫn đến việc quyết định có lợi riêng cho bản thân, gia đình hoặc cá nhân, tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp.

(11) Lợi dụng chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung để thực hiện hành vi hoặc bao che hành vi tham nhũng, tiêu cực. Tiết lộ thông tin, đe dọa, trả thù, trù dập người phản ánh, tố cáo, tố giác, báo tin, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng, tiêu cực.

(12) Có hành vi chạy chức, chạy quyền, bao che, tiếp tay, can thiệp, tác động đến tổ chức, cá nhân để bản thân hoặc người khác được tiếp nhận, tuyển dụng, quy hoạch, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, đề cử, ứng cử, khen thưởng, kỷ luật, phong tặng danh hiệu, đi học, đi nước ngoài, thực hiện chế độ, chính sách cán bộ trái quy định.

(13) Can thiệp, tác động hoặc để người nhà, người thân, người quen lợi dụng chức vụ, vị trí công tác của mình để trục lợi. Gây khó khăn, phiền hà, vôi vĩnh, kéo dài thời gian xử lý công việc cho người dân, doanh nghiệp.

(14) Can thiệp, tác động vào hoạt động kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, xét đặc xá, giải quyết khiếu nại, tố cáo để bao che, tiếp tay cho các hành vi vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tác động, ép buộc, mua chuộc tổ chức, cá nhân để giảm trách nhiệm, hình phạt cho người khác.

(15) Kê khai tài sản, thu nhập không trung thực; giải trình không trung thực về nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm; tẩu tán, che giấu tài sản có được do tham nhũng, tiêu cực. Không chỉ đạo và tổ chức thu hồi hoặc cản trở hoạt động thu hồi tài sản tham nhũng, tiêu cực.

(16) Nhập quốc tịch nước ngoài; dùng giấy tờ giả, không hợp pháp, khai báo gian dối về quốc tịch.

(17) Tổ chức, tham gia hoặc tạo điều kiện thực hiện hoạt động rửa tiền, đi vay, cho vay trái quy định của pháp luật; chuyển tiền, tài sản ra nước ngoài, mở tài khoản và mua bán tài sản ở nước ngoài trái quy định.

(18) Tổ chức việc cưới, việc tang và các sự kiện khác của cá nhân, gia đình (ngày lễ, tết, sinh nhật, lên chức, mừng nhà mới, mừng thọ, luân chuyển, chuyển công tác,...) một cách phô trương hình thức, lãng phí, gây phản cảm, bức xúc trong xã hội. Lợi dụng việc cưới, việc tang và các sự kiện khác để vụ lợi hoặc đem lại lợi ích riêng cho bản thân, gia đình hoặc cho người khác.

(19) Các hành vi tiêu cực nghiêm trọng, phức tạp khác do Ban Chỉ đạo Trung ương xem xét, quyết định.

Căn cứ Hướng dẫn này, các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan chức năng lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác phòng, chống tiêu cực theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh mà Hướng dẫn này chưa bao quát hết thì căn cứ các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước để chỉ đạo xử lý.

2. Công tác truyền thông về quyền con người ở Việt Nam

Đề án truyền thông về quyền con người ở Việt Nam giai đoạn 2023 - 2028 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1079/QĐ- TTg, ngày 14/9/2022 nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

Mục tiêu đến năm 2028: “100% cơ quan hành chính nhà nước thực hiện cơ chế phát ngôn và cung cấp thông tin định kỳ cho báo chí về công tác quyền con người theo quy định hiện hành để thông tin về tình hình và kết quả công tác quyền con người kịp thời và tương xứng với các nỗ lực và thành tựu đảm bảo quyền con người của các cơ quan chức năng nói riêng và cả nước nói chung. 100% cán bộ làm công tác quyền con người, 100% cán bộ làm công tác quản lý thông tin, truyền thông, 100% nhân sự tham gia công tác thông tin đối ngoại của các cơ quan báo chí, 70% cán bộ chủ chốt của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp Trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được cập nhật thông tin tình hình công tác quyền con người ở Việt Nam, tập huấn kiến thức, kỹ năng truyền thông về quyền con người. Tổ chức chuỗi Triển lãm ảnh, tài liệu lưu trữ về quyền con người ở Việt Nam bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài tại 63 tỉnh, thành phố và một số địa bàn trọng điểm ở nước ngoài. Biên soạn, xuất bản và tái bản 1.000 đầu sách về quyền con người; đa dạng hóa hình thức các sản phẩm truyền thông đại chúng, nâng tỷ trọng các sản phẩm truyền thông bằng tiếng dân tộc, tiếng nước ngoài và sản phẩm truyền thông trên nền tảng số chiếm từ 15% đến 20% tổng số sản phẩm truyền thông về quyền con người. 100% nguồn dữ liệu và sản phẩm truyền thông của Đề án được số hóa, kết nối, sử dụng chung và phổ biến trên không gian mạng để lan tỏa thông tin tích cực, nhân văn. Giảm thông tin sai lệch, tin giả, tin xấu độc xâm hại quyền con người trên không gian mạng xuống còn dưới 10% tổng số thông tin về quyền con người ở Việt Nam; phát hiện, xử lý 90% tin giả, tin xấu độc xâm hại quyền con người trên không gian mạng. Về đối ngoại: hoàn thành việc thực hiện khuyến nghị của quốc tế về tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức về quyền con người đã được Chính phủ Việt Nam chấp thuận, bao gồm khuyến nghị số 63, 67, 86 theo cơ chế Rà soát định kỳ phổ quát (UPR) của Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc chu kỳ III”.

Nội dung truyền thông: Tuyên truyền luật pháp quốc tế về quyền con người, trong đó đặc biệt quan tâm tới 07 công ước quốc tế cơ bản về quyền con người mà Việt Nam là thành viên gồm: Công ước về các Quyền Dân sự và Chính trị; Công ước về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa; Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ; Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc; Công ước về Quyền Trẻ em; Công ước về Quyền của Người khuyết tật; Công ước Chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người; kinh nghiệm quốc tế về đảm bảo và thúc đẩy quyền con người. Chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam về quyền con người; kết quả nội luật hóa và triển khai thực thi các cam kết quốc tế về quyền con người, các cam kết quốc tế song phương và đa phương mà Việt Nam là thành viên hoặc có kế hoạch gia nhập. Tình hình, nỗ lực và thành tựu bảo đảm quyền con người trên các lĩnh vực, trong đó có công tác xóa đói, giảm nghèo, chăm lo đời sống của người dân, các đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương để không ai bị bỏ lại phía sau; những đánh giá, nhận định tích cực của dư luận, truyền thông quốc

tế về kết quả công tác bảo đảm và phát triển quyền con người của Việt Nam. Các thông tin tích cực, đề cao các giá trị đạo đức, hướng thiện, lối sống nhân văn, tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, lòng yêu nước, tự hào dân tộc. Các vụ việc, các đối tượng trong nước và nước ngoài, các hành vi lợi dụng các quyền tự do, dân chủ, quyền con người để vi phạm pháp luật, phương hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, hình ảnh, uy tín quốc tế của Việt Nam. Các ưu tiên trong đối ngoại về quyền con người của Việt Nam; về vị trí, vai trò, sáng kiến và đóng góp của Việt Nam trong các nỗ lực và thành tựu bảo đảm quyền con người ở cấp độ khu vực và quốc tế.

Một số nhiệm vụ, giải pháp: Xây dựng chương trình kế hoạch, biện pháp cụ thể để tăng cường hiệu quả công tác truyền thông về quyền con người; thực hiện có hiệu quả cơ chế phối hợp liên ngành trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện Đề án. Nâng cao chất lượng, hiệu quả tổ chức các hội nghị tập huấn, hội thảo chuyên đề, tọa đàm chuyên gia nhằm nâng cao, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ truyền thông về quyền con người cho phóng viên, biên tập viên các cơ quan báo chí, truyền thông, xuất bản, cán bộ thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở ở Trung ương và địa phương; cán bộ thành viên Ban Chỉ đạo về Nhân quyền các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cán bộ quản lý các cấp, nhất là cấp địa phương, cơ sở; đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật; tuyên truyền viên là cán bộ các tổ chức chính trị - xã hội của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và các cấp công đoàn. Xây dựng chương trình, biên soạn bộ tài liệu truyền thông về quyền con người nhằm sử dụng thống nhất giữa các bộ, ngành, địa phương. Tăng cường tổ chức đi thực tế cho phóng viên các cơ quan báo chí đến các địa phương, cơ sở để nắm bắt thực tế, viết bài về các nội dung truyền thông xác định tại Đề án.

Đẩy mạnh xây dựng và khai thác các tài khoản, kênh thông tin trên mạng xã hội đa ngôn ngữ, đa kênh, hướng tới thị trường mục tiêu nhằm lan tỏa thông tin, mở rộng đối tượng tuyên truyền, đặc biệt là giới trẻ. Liên kết xã hội hóa, huy động mời những nhân vật có uy tín, sức ảnh hưởng lớn trong cộng đồng mạng tham gia các chiến dịch truyền thông về quyền con người. Tiếp tục xây dựng các sản phẩm truyền thông về quyền con người phù hợp với tình hình thực tế mỗi địa phương, vùng, miền để đăng phát trên hệ thống truyền thanh cấp huyện, đài truyền thanh cấp xã, bảng tin điện tử, cụm thông tin cơ sở và các loại hình thông tin cơ sở khác¹. Tổ chức tuyên truyền lưu động thông qua hình thức triển lãm tranh, ảnh tư liệu, tranh cổ động về quyền con người. Đẩy mạnh truyền thông về quyền con người trong các chương trình ngoại khóa, các buổi sinh hoạt Đoàn, Hội và tuần sinh hoạt giáo dục công dân, sinh hoạt chính trị đầu khóa của học sinh, sinh viên, sinh hoạt của tổ chức công đoàn, hội phụ nữ, hội người cao tuổi ở các cấp. Tổ chức các cuộc thi, hội thi tìm hiểu về quyền con người, quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về quyền con người. Tổ chức chuỗi sự kiện Triển lãm thành tựu bảo đảm quyền con người của Việt Nam ở trong và ngoài nước.

Duy trì hiệu quả cơ chế đối thoại, trao đổi thông tin với các đối tác quốc tế, các cơ chế quyền con người quốc tế. Xây dựng kế hoạch truyền thông và thông tin cho báo chí trước, trong và sau các sự kiện đối ngoại về quyền con người phù hợp

¹ Phóng sự phát thanh, kịch truyền thanh, tiểu phẩm, video...

theo quy định thỏa thuận chung, các hoạt động bảo vệ báo cáo quốc gia thực thi các công ước Liên Hợp quốc về quyền con người. Khai thác các nguồn hỗ trợ, tài trợ của nước ngoài theo quy định của pháp luật phục vụ hoạt động truyền thông về quyền con người. Tiếp tục hợp tác với các hãng thông tấn, báo chí nước ngoài để trao đổi tin, bài thông tin về chủ trương, chính sách và thành tựu quyền con người ở Việt Nam đăng phát trên báo chí nước ngoài.

Nghiên cứu tổ chức Giải thưởng truyền thông về quyền con người. Tổ chức phát động các cuộc thi viết, tìm hiểu kiến thức pháp luật, thi ảnh, nghệ thuật về quyền con người. Số hóa các tư liệu, tài liệu, xuất bản phẩm đa phương tiện là sản phẩm của Đề án để lưu trữ tại cơ sở dữ liệu dùng chung cấp quốc gia. Ứng dụng công nghệ số trong giám sát thông tin trên không gian mạng để kịp thời phát hiện, phân tích các luồng thông tin phục vụ công tác nghiên cứu, dự báo, tham mưu cấp có thẩm quyền các biện pháp ứng phó; truyền thông chủ động, điều hướng thông tin, đấu tranh chống nạn tin giả, tin xấu độc xâm hại quyền con người ở Việt Nam. Xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về quyền con người phục vụ lưu trữ, kết nối, chia sẻ, khai thác hiệu quả các sản phẩm truyền thông về quyền con người.

3. Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025

Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 809/QĐ-TTg, ngày 12/7/2022 đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

Bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, đặc biệt là đối với diện tích rừng tự nhiên; đảm bảo cơ cấu 3 loại rừng hợp lý (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất); thực hiện hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy rừng. 100% diện tích rừng của các Ban quản lý rừng đặc dụng, Ban quản lý rừng phòng hộ và các chủ rừng là tổ chức thuộc các thành phần kinh tế được quản lý hiệu quả. Thực hiện hiệu quả công tác bảo tồn đa dạng sinh học tại các khu rừng đặc dụng (vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài và sinh cảnh,...), các khu rừng có tính đa dạng sinh học cao. Phát triển rừng và nâng cao năng suất, chất lượng rừng: Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung: bình quân 100 nghìn ha/năm, trong đó, chủ yếu là khoanh nuôi chuyển tiếp. Thực hiện hiệu quả các biện pháp kỹ thuật lâm sinh để nuôi dưỡng, làm giàu rừng tự nhiên. Trồng rừng tập trung 230 nghìn ha/năm, gồm: 4 nghìn - 6 nghìn ha/năm rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng ven biển; khoảng 225 nghìn ha/năm rừng sản xuất (trồng mới 10 nghìn ha/năm, trồng tái canh 215 nghìn ha/năm), trong đó, 30% diện tích là trồng rừng gỗ lớn, thâm canh. Nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng; đến năm 2025, năng suất rừng trồng đạt bình quân 20m³/ha/năm, sản lượng khai thác gỗ từ rừng trồng trong nước (gỗ rừng trồng tập trung, cây trồng phân tán....), đáp ứng khoảng 80% nguyên liệu cho sản xuất, chế biến. Đến năm 2025, diện tích cây lâm sản ngoài gỗ đạt khoảng 700 - 800 nghìn ha. Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng đối với rừng sản xuất là rừng trồng: Tổ chức quản lý, khai thác hiệu quả đối với 100% diện tích rừng sản xuất là rừng trồng, trong đó, đến năm 2025, diện tích rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt 500 nghìn ha.

Các nội dung ưu tiên: Bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng ven biển. Đầu tư bảo vệ và phát triển bền vững đối với diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự

hiện có, thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án về bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng. Đầu tư khôi phục, phát triển hệ thống rừng phòng hộ, nhất là rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển với suất đầu tư được xác định theo quy định của pháp luật, định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và điều kiện cụ thể của nơi trồng. Đầu tư trang thiết bị bảo vệ, phòng cháy và chữa cháy rừng; xây dựng kết cấu hạ tầng bảo vệ rừng, bảo tồn, phát triển rừng tại các Ban quản lý rừng, đảm bảo đủ điều kiện cho các hoạt động thường xuyên, cho công tác tuần tra bảo vệ rừng. Hỗ trợ xây dựng đường lâm nghiệp cho các đơn vị, địa phương có vùng nguyên liệu tập trung, nơi có điều kiện kinh tế - xã hội, khó khăn. Tổ chức thực hiện các dự án: điều tra, đánh giá và giám sát tài nguyên rừng toàn quốc; xây dựng, hoàn thiện, vận hành hệ thống giám sát rừng tự động phát hiện cháy rừng; ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong quản lý, điều tra, kiểm kê, giám sát diễn biến tài nguyên rừng. Đầu tư, hỗ trợ đầu tư phát triển giống cây lâm nghiệp và lâm sản ngoài gỗ, gồm: chọn, tạo, chuyển giao, sản xuất, cung ứng giống theo hướng công nghiệp, hiện đại, tạo đột phá mới về năng suất, chất lượng sản phẩm. Hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn, rừng chuyển hóa rừng gỗ nhỏ sang gỗ lớn. Hỗ trợ phát triển lâm sản ngoài gỗ theo thế mạnh của từng địa phương, vùng, miền; xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung cây lâm sản ngoài gỗ gắn với phát triển công nghiệp chế biến, tạo những sản phẩm đặc trưng cho từng vùng và phù hợp với nhu cầu của thị trường. Hỗ trợ đầu tư, phát triển công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản theo cơ chế, chính sách về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông thôn và quy định của pháp luật liên quan.

Dự án sử dụng ngân sách Trung ương thực hiện theo kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg, ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ, các dự án khác trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định của pháp luật về đầu tư công. Dự án sử dụng ngân sách địa phương, thực hiện theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của địa phương. Các hoạt động, dự án sử dụng vốn sự nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bộ, ngành, địa phương xây dựng, phê duyệt, triển khai các hoạt động, dự án thực hiện các nội dung, giải pháp của Chương trình gắn với chiến lược, kế hoạch, đề án trọng điểm ngành lâm nghiệp do các đơn vị trực tiếp quản lý sau khi Chương trình được duyệt, đảm bảo mục tiêu Chương trình, theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật liên quan. Các dự án hỗ trợ, dự án đầu tư của các tổ chức, cá nhân cho công tác bảo vệ và phát triển rừng, các dự án phát triển lâm nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành đối với từng nguồn vốn. Dự kiến tổng mức vốn và nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình: Tổng vốn thực hiện Chương trình dự kiến 78.585 tỷ đồng, trong đó ngân sách nhà nước là 13.682 tỷ đồng, gồm: Ngân sách Trung ương: 7.484 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển 3.084 tỷ đồng, vốn sự nghiệp kinh tế 4.400 tỷ đồng); ngân sách địa phương: 6.198 tỷ đồng và các nguồn vốn hợp pháp khác: 64.903 tỷ đồng.

Các nhóm giải pháp thực hiện: Hoàn thiện cơ chế, chính sách; tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, tăng cường truyền thông về vai trò, giá trị kinh tế, xã hội, môi trường, vai trò của rừng với giảm phát thải khí nhà kính, hấp thụ và lưu giữ các bon, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ quốc phòng, an ninh của rừng;

nâng cao nhận thức về phát triển rừng bền vững, rừng trồng gỗ lớn có năng suất, chất lượng cao, sử dụng lâm sản có nguồn gốc hợp pháp; phổ biến pháp luật về lâm nghiệp cho người dân, nâng cao ý thức xã hội về quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, phòng chống chặt, phá rừng trái pháp luật; quản lý quy hoạch rừng và đất lâm nghiệp; kiện toàn, đổi mới tổ chức sản xuất; khoa học, công nghệ và khuyến lâm; phát triển nguồn nhân lực; hợp tác quốc tế và xúc tiến thương mại; huy động các nguồn vốn; lồng ghép, phối hợp với các Chương trình, đề án khác.

4. Một số đánh giá của dư luận quốc tế về triển vọng kinh tế Việt Nam nửa cuối năm 2022

Trong tháng 8 và 8 tháng năm 2022, tình hình khu vực, thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường. Cạnh tranh chiến lược, biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt. Kinh tế thế giới chịu ảnh hưởng từ các yếu tố xung đột chính trị quân sự giữa Nga và Ukraine khiến giá nguyên, nhiên vật liệu đầu vào tăng cao, lạm phát gia tăng dẫn đến sự phục hồi kinh tế chậm lại tại nhiều quốc gia... Trong khi đó, ở trong nước, các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội cũng nặng nề hơn, nhất là việc khắc phục hậu quả sau 02 năm chịu ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19.

Tại cuộc họp thường niên tháng 8/2022, dưới sự chủ trì của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, lãnh đạo các ban, bộ, ngành, địa phương thống nhất nhận định, mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam vẫn đạt được các kết quả cơ bản, khá toàn diện như: kinh tế vĩ mô ổn định, kiểm soát được lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng; các cân đối lớn của nền kinh tế đảm bảo; độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ được đảm bảo; trật tự an toàn xã hội được giữ vững; đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng lên; đối ngoại được tăng cường. Đảng và Nhà nước ta vẫn duy trì quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế, tạo đà để hoàn thành các mục tiêu phát triển của Kế hoạch 5 năm 2021 - 2025. Một trong những điểm sáng trong bức tranh kinh tế 8 tháng năm 2022 là vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Theo đó, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 8 tháng năm 2022 ước tính đạt 12,8 tỷ USD - tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước. Đây cũng là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của 8 tháng trong 5 năm qua. Chỉ số IIP 8 tháng năm 2022 tăng 9,4%; mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng tăng 19,3% so với cùng kỳ năm 2021. Với mức tăng này, một số chuyên gia nhận định, nếu Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội được thực hiện trọn vẹn theo kế hoạch đặt ra, tiến trình phục hồi nền kinh tế của Việt Nam sẽ rất tích cực, hiệu quả và bền vững.

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đang đối diện với nhiều khó khăn, Việt Nam thực sự đang trở thành một điểm sáng trong phục hồi và được các chuyên gia, tổ chức quốc tế uy tín đánh giá hết sức tích cực, lạc quan về triển vọng phát triển của Việt Nam trong cả trung và dài hạn. Tổ chức Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) ngày 06/9/2022 đánh giá, triển vọng tăng trưởng kinh tế lạc quan của Việt Nam đang đi ngược lại xu hướng tăng trưởng chậm lại ở châu Á, với lạm phát tương đối thấp - điểm khác biệt với quy luật chung trong khu vực. IMF đã nâng dự báo tăng trưởng của Việt Nam lên 7% trong năm 2022, cao hơn một điểm phần trăm so với 3 tháng trước đó và là lần điều chỉnh tăng mạnh duy nhất trong số các nền kinh tế lớn ở châu Á.

Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới (WB) ngày 08/8/2022, tăng trưởng GDP của Việt Nam được dự báo tăng mạnh từ 2,6% trong năm 2021 lên 7,5% trong năm 2022; lạm phát được dự báo tăng trung bình 3,8% năm 2022. Bên cạnh đó, báo cáo Rủi ro thương mại và đầu tư Việt Nam của tổ chức Fitch Solutions cho quý III năm 2022 đánh giá Việt Nam đang nổi lên như một trung tâm sản xuất quan trọng của khu vực Đông và Đông Nam Á. Việt Nam đứng thứ 5/35 quốc gia châu Á, đứng thứ 20/201 thị trường được đánh giá về độ mở của nền kinh tế, đạt 74,6/100 điểm, cao hơn mức trung bình của châu Á là 46 và mức trung bình toàn cầu là 49,5. Việt Nam đạt 89,2 điểm về độ mở thương mại, đứng thứ 2 trong Đông - Đông Nam Á và thứ 5 trên toàn cầu; mức độ cởi mở đầu tư đạt số điểm trung bình là 60, đứng thứ 8 trong châu Á và thứ 62 trên toàn cầu. Trang Business Times (Singapore) dẫn đánh giá của hãng phân tích và dự báo kinh tế toàn cầu Moody's Analytics cho rằng nền kinh tế của Việt Nam là một điểm sáng giữa những biến động trong khu vực.

Nhiều chuyên gia quốc tế uy tín cho rằng, Việt Nam ngày nay là động lực kinh tế và có thể giúp những quốc gia tương đồng có được những “bài học hữu ích”. Đồng thời, chính giới nhiều nước cho biết doanh nghiệp nước ngoài coi Việt Nam là quốc gia hấp dẫn để tăng cường đầu tư với đội ngũ lao động chất lượng, sức cầu cao, có tăng trưởng mạnh mẽ, phù hợp để kinh doanh và đầu tư trong dài hạn.

Những đánh giá, nhận định của các chuyên gia, tổ chức quốc tế về tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam những tháng cuối năm 2022 là sự khẳng định tính đúng đắn, hiệu quả trong các chủ trương, điều hành kinh tế của Đảng, Chính phủ Việt Nam trong thời gian qua, đồng thời cho thấy những tín hiệu tích cực đối với việc thu hút nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước. Để lan tỏa điều này, trong thời gian tới, công tác thông tin, tuyên truyền cần chú trọng một số nội dung sau:

Thứ nhất, tiếp tục tăng cường thông tin, tuyên truyền về các chủ trương, đường lối, chính sách, các biện pháp của Đảng, Nhà nước ta trong việc thực hiện chương trình phục hồi kinh tế được Quốc hội phê duyệt.

Thứ hai, tăng cường công tác thông tin, quảng bá về tiềm năng phát triển kinh tế chung của đất nước và của từng địa phương, đặc biệt là thông qua các đánh giá, nhận xét khách quan từ các tổ chức, chuyên gia quốc tế uy tín. Từ đó, huy động, thu hút tối đa nguồn lực bên ngoài, phục vụ hiệu quả các mục tiêu trong năm 2022 và giai đoạn 2021 - 2025.

5. Một số chính sách Bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2022-2023

Bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên là một chính sách nhân văn, mang đậm tính ưu việt, góp phần tích cực trong việc thực hiện mục tiêu bảo hiểm y tế toàn dân nói chung và công tác chăm sóc sức khỏe toàn diện cho thế hệ trẻ ngay từ trường học nói riêng. Theo thống kê của Bảo hiểm xã hội tỉnh, năm học 2021 - 2022, toàn tỉnh có 168.925 trên tổng số 168.950 học sinh, sinh viên tham gia Bảo hiểm y tế (đạt tỷ lệ 99,99%). Năm học 2022 - 2023, Bảo hiểm xã hội tỉnh đề ra mục tiêu phấn đấu 100% học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh tham gia Bảo hiểm y tế theo quy định. Một số chính sách về Bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2022 - 2023 cần lưu ý như sau:

(1) Mức đóng

Mức đóng hằng tháng bằng 4,5% mức lương cơ sở tại thời điểm đóng (mức lương cơ sở bằng 1.490.000 đồng) và được Ngân sách nhà nước hỗ trợ 30%, học sinh, sinh viên đóng 70% mức đóng. Cụ thể:

- Mức đóng của 01 tháng: $1.490.000 \times 4,5\% = 67.050$ đồng.

- Mức đóng của 12 tháng (01 năm): $67.050 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} = 804.600$ đồng; trong đó:

+ Học sinh, sinh viên tự đóng: $1.490.000 \times 4,5\% \times 12 \text{ tháng} \times 70\% = 563.220$ đồng/năm.

+ Ngân sách nhà nước: $1.490.000 \times 4,5\% \times 12 \text{ tháng} \times 30\% = 241.380$ đồng/năm.

(2) Phương thức đóng

- Học sinh, sinh viên có thể lựa chọn phương thức đóng: 03 tháng, 06 tháng, 12 tháng. Riêng học sinh lớp 1 có thể lựa chọn phương thức 13 tháng, 14 tháng, 15 tháng.

- Nhà trường thu phần tiền thuộc trách nhiệm phải đóng Bảo hiểm y tế của học sinh, sinh viên nộp vào tài khoản chuyên thu của cơ quan Bảo hiểm xã hội mở tại Ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước cùng cấp.

(3) Mức hưởng khi đi khám chữa bệnh

- Đối với trường hợp khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế đúng tuyến:

+ Học sinh, sinh viên được hưởng 100% chi phí khám chữa bệnh nếu:

*Tổng chi phí cho một lần khám chữa bệnh thấp hơn 15% mức lương cơ sở (tương đương 223.500 đồng).

*Khám chữa bệnh tại tuyến xã (Trạm Y tế xã, phường, thị trấn).

*Có thời gian tham gia Bảo hiểm y tế 5 năm liên tục trở lên và có số tiền cùng chi trả chi phí khám chữa bệnh trong năm lớn hơn 6 tháng lương cơ sở (tương đương 8.940.000 đồng).

- Học sinh, sinh viên được hưởng 80% chi phí khám chữa bệnh trong phạm vi được hưởng Bảo hiểm y tế, phần còn lại do người bệnh tự thanh toán với cơ sở khám chữa bệnh.

- Đối với trường hợp khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế không đúng tuyến:

+ Tại bệnh viện tuyến Trung ương: 40% chi phí điều trị nội trú.

+ Tại bệnh viện tuyến tỉnh: 100% chi phí điều trị nội trú.

+ Tại bệnh viện tuyến huyện: 100% chi phí khám chữa bệnh ngoại trú, nội trú.

(4) Thời hạn sử dụng thẻ Bảo hiểm y tế:

- Thẻ Bảo hiểm y tế được cấp mới hoặc gia hạn hằng năm cho học sinh của cơ sở giáo dục phổ thông

+ Đối với học sinh lớp 1: Giá trị sử dụng thẻ Bảo hiểm y tế bắt đầu từ ngày 01/10 năm đầu tiên của cấp tiểu học.

+ Đối với học sinh lớp 12: Thẻ có giá trị sử dụng đến hết ngày 30/9 của năm học.

- Thẻ Bảo hiểm y tế được cấp mới hoặc gia hạn hằng năm cho học sinh, sinh viên của cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục dạy nghề.

+ Đối với học sinh, sinh viên năm thứ nhất của khóa học: Thẻ có giá trị sử dụng từ khi nhập học, trừ trường hợp thẻ của học sinh lớp 12 đang còn giá trị sử dụng.

+ Học sinh, sinh viên năm cuối của khóa học: Thẻ Bảo hiểm y tế có giá trị đến ngày cuối của tháng kết thúc khóa học.

- Giá trị sử dụng của thẻ Bảo hiểm y tế tương ứng với số tiền đóng Bảo hiểm y tế theo số tháng đã tham gia của học sinh, sinh viên.

(5) Tra cứu thông tin

- Học sinh, sinh viên và phụ huynh có thể tự tra cứu thời hạn sử dụng thẻ Bảo hiểm y tế theo các cách sau:

+ Truy cập vào Cổng Thông tin điện tử Bảo hiểm xã hội Việt Nam tại địa chỉ: <https://baohiemxahoi.gov.vn/tracuu/pages/tra-cuu-thoi-han-su-dung-the-bhyt.aspx>

+ Nhắn tin theo cú pháp: BH THE “Mã thẻ BHYT” gửi 8079.

+ Gọi điện đến Tổng đài 1900.9068 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam để được tư vấn và hỗ trợ.

- Cài đặt và sử dụng ứng dụng “VssID - Bảo hiểm xã hội số” để theo dõi quá trình đóng - hưởng Bảo hiểm y tế của bản thân; cập nhật các thông tin về chính sách Bảo hiểm y tế; thực hiện một số dịch vụ công của ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam liên quan tới lĩnh vực Bảo hiểm y tế./.
